TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương;
Bà Nguyễn Thị Bẩy.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Khắc T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 02, thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1991 (vắng mặt).

HKTT: Xóm 02, thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang cư trú tại: Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

- *Nguyên đơn anh Hoàng Khắc T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1991 kết hôn từ năm 2010; đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thôn C, xã S, huyện G. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 6/2017, vợ chồng đã bàn bạc thống nhất để chị O đi lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay. Năm 2020, chị O chưa hết hợp đồng với công ty nhưng đã tự ý bỏ ra ngoài làm việc. Khi chị O đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do khoảng cách địa lý, chị cũng

không thường xuyên gửi tiền về cho anh chăm sóc gia đình. Khoảng tháng 8/2019 chị O về Việt Nam để vợ chồng giải quyết việc ly hôn, nhưng do thời gian chị ở Việt Nam ngắn và gia đình đã hòa giải, nên vợ chồng không gửi đơn ra Tòa án để giải quyết ly hôn. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2010; cháu Hoàng Khắc Hồng P, sinh năm 2013; cháu Hoàng Thị Ngọc Hân, sinh năm 2016. Hiện cả 03 con chung đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ở cùng bà nội tại thôn C, xã S, huyên G. Cháu D học lớp 4 trường tiểu học S, cháu P học lớp 2 tại trường tiểu học S, cháu Hân học lớp mẫu giáo 4 tuổi thôn C, xã S. Sức khỏe của các cháu tốt, phát triển bình thường. Cháu D bị tật bẩm sinh ở chân không tự đi lại được phải ngồi xe đẩy, cháu được công nhận là người khuyết tật nên hàng tháng được nhận trợ cấp. Khi ly hôn, về con chung thì quan điểm của anh là ai nuôi con chung cũng được, nếu chị O muốn nuôi cả ba con thì anh cũng đồng ý. Nếu chị O không muốn thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp chăm sóc cả 03 con chung, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị O trình bày tại bản tự khai:* Chị và anh Hoàng Khắc T có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2010 tại UBND xã S, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, lừa dối. Về mâu thuẫn vợ chồng thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh Hoàng Khắc T có quan hệ bên ngoài trong thời gian chị đi lao động tại Nhật Bản. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do khoảng cách địa lý và không thường xuyên gửi tiền về cho anh T chăm sóc các con là không đúng. Trong quá trình lao động tại Nhật Bản chị vẫn thường tiết kiệm tiền để gửi về cho anh T chăm sóc các con, trả nợ cho các khoản vay xây nhà và mua sắm đồ đạc. Vì nhiều lý do khác nhau và do dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chị xin được gia hạn thêm thời gian giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2010; cháu Hoàng Khắc Hồng P, sinh năm 2013; cháu Hoàng Thị Ngọc Hân, sinh năm 2016. Hiện tại do điều kiện không cho phép nên chị đồng ý để anh T chăm sóc cả ba con chung. Khi điều kiện cho phép chị xin được chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung bao gồm: 01 ngôi nhà do hai vợ chồng góp công xây dựng, diện tích khoảng 100m^2 trên mảnh đất do bố mẹ chồng cho tại xóm 02, thôn C, xã S, huyện G. Ngoài ra, còn một số tài sản khác như: Xe máy, máy giặt, điều hòa, tủ lạnh, bếp ga, máy lọc nước... Chị đề nghị được chia 1/2 giá trị tài sản nêu trên.

Về công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Khắc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh đề nghị Hội đồng xét xử cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị O. Về con chung, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ anh không yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự không thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Khắc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị O. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2010; cháu Hoàng Khắc Hồng P, sinh năm 2013 và cháu Hoàng Thị Ngọc Hân, sinh năm 2016 cho anh Hoàng Khắc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Khắc T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị O, HKTT tại thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, hiện chị O đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý và Bản mô tả câu hỏi cho chị O. Chị O đã nhận được và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về cho Tòa án. Tại văn bản trình bày ý kiến của mình, chị xin vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Khắc T kết hôn với chị Nguyễn Thị O ngày 26/02/2010, đăng ký kết hôn được thự hiện tại UBND xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, lừa dối. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh T và chị O là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và có ba người con chung. Đến năm 2017, chị O đi lao động tại Nhật Bản. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Theo anh T thì nguyên nhân là do khoảng cách địa lý,

chị O không gửi tiền về chăm sóc các con. Chị O không thừa nhận lời trình bày của anh T, chị khẳng định mình vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh T chăm sóc các con. Chị O cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2016, nhưng nguyên nhân không như anh T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ bên ngoài. Tuy nhiên, chị không đưa ra được căn cứ chứng minh. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O. Chị O và mẹ đẻ chị O đều xác định trong quá trình chung sống, chị O và anh T có mâu thuẫn từ lâu.

[4] Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị O đã trở nên trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết, vì vậy yêu cầu ly hôn của anh T với chị O là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh T và chị O có ba người con chung là cháu cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2010; cháu Hoàng Khắc Hồng P, sinh năm 2013; cháu Hoàng Thị Ngọc Hân, sinh năm 2016. Hiện cả ba cháu đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sức khỏe các cháu tốt, phát triển bình thường. Do chị O đang làm việc tại Nhật Bản, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung; anh T hiện ở trong nước, đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung. Để đảm bảo cho các con chung được phát triển tốt nhất và tránh sự xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con chung, cần giao cả ba con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi về nước, chị O có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ. Cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị O trình bày vợ chồng có một số tài sản chung như: 01 ngôi nhà diện tích khoảng 100m^2 do hai vợ chồng góp công xây dựng, nhà làm trên mảnh đất do bố mẹ chồng cho tại xóm 02, thôn C, xã S, huyện G. Ngoài ra còn có xe máy, máy giặt, điều hòa, tủ lạnh, bếp ga, máy lọc nước...; chị đề nghị được chia 1/2 giá trị tài sản nêu trên. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình, chị O không đưa ra được căn cứ chứng minh đối với các tài sản nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Chị O vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung bằng một vụ án khác nếu có đủ căn cứ.

[8] Về công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[9] Về án phí và lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 29, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Khắc T được ly hôn chị Nguyễn Thị O.

2. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Hoàng Thị Thùy D, sinh năm 2010; Cháu Hoàng Khắc Hồng P, sinh năm 2013; Cháu Hoàng Thị Ngọc Hân, sinh năm 2016 cho anh Hoàng Khắc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

3. Về án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Hoàng Khắc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0004771 ngày 20/4/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt bản bán án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã S, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp